

Số: 168/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các Báo cáo của UBND tỉnh, Thường trực HĐND, các Ban HĐND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh.

Hội đồng nhân dân tỉnh đã thảo luận và nhất trí,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2014; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề chủ yếu sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2014:

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, kinh tế - xã hội trong nước còn nhiều khó khăn, trong đó có tác động của việc Trung Quốc hạ đặt giàn khoan Hải Dương 981 trong thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động giao thương, xuất nhập khẩu qua biên giới trên địa bàn tỉnh nhưng UBND tỉnh tiếp tục đổi mới tư duy, năng động, sáng tạo trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, bám sát mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 theo Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra và phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, nên đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy không đạt mục tiêu đề ra nhưng xét trong từng nhóm ngành, các lĩnh vực quan trọng bước đầu có chuyển biến theo hướng tích cực, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; tiềm năng, lợi thế một số ngành, lĩnh vực bước đầu phát huy hiệu quả, đã xác định được một số ngành kinh tế trọng điểm để tập trung ưu tiên đầu tư phát triển. Hạ tầng kinh tế - xã hội được nâng lên rõ rệt, trong đó trọng tâm là đẩy nhanh đầu tư phát triển các dự án giao thông nông thôn, với phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", chương trình xây dựng nông thôn mới thu được nhiều kết quả tích cực và có nhiều cách làm sáng tạo; đặc biệt là một tỉnh khó khăn của cả nước nhưng đã hoàn thành và công nhận được 3 xã đạt chuẩn Quốc gia về nông thôn mới. Nông nghiệp có sự chuyển dịch tích cực, thu hút nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo phương thức liên doanh, liên kết với người dân, tạo ra các vùng sản xuất tập trung, ổn định, bền vững;

sản xuất công nghiệp tiếp tục tăng khá; du lịch có nhiều khởi sắc, liên kết hiệu quả với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương mại... Các lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; các chính sách an sinh xã hội được triển khai thực hiện kịp thời, có hiệu quả, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được nâng lên. Chủ quyền biên giới, lãnh thổ quốc gia được giữ vững; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được mở rộng, cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực.

Bên cạnh những kết quả đạt được còn một số khó khăn, hạn chế:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đạt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm; chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ từng ngành, lĩnh vực chưa thật sự rõ nét.

2. Công tác xã hội hoá, đưa các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

3. Năng lực của các doanh nghiệp còn hạn chế, sản xuất kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn; thị trường và sức mua có chuyển biến nhưng chậm, số doanh nghiệp trên địa bàn chuyển đổi từ hoạt động xây dựng cơ bản sang sản xuất kinh doanh các lĩnh vực khác chưa nhiều.

4. Chất lượng giáo dục chưa đáp ứng được với yêu cầu xã hội, cơ sở vật chất trang thiết bị nhiều cơ sở giáo dục còn thiếu, xuống cấp chưa đáp ứng được trong quá trình dạy và học; đội ngũ cán bộ làm công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nhất là tuyến cơ sở còn nhiều bất cập.

5. Cơ cấu lao động chuyển dịch chậm, công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn còn hạn chế, hiệu quả thấp, chưa quan tâm đào tạo lao động có chất lượng cao, việc đào tạo nghề còn phân tán chưa. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng chưa bền vững, số hộ tái nghèo và cận nghèo còn cao.

6. Công tác phân cấp, phân quyền ở cấp huyện, cấp xã chưa mạnh, chưa tạo được sự chủ động, trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo trong tổ chức thực hiện.

7. Tình hình di cư tự do, tội phạm hình sự, tai nạn, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015:

1. Mục tiêu tổng quát: Từng bước nâng cao chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững gắn với tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011-2015); bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân; tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Chỉ tiêu chủ yếu:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (*giá so sánh năm 2010*) 6,5%, trong đó: Thương mại - Dịch vụ tăng 7,1%; Công nghiệp - Xây dựng tăng 7,9%; Nông lâm nghiệp tăng 4,8%.

- Cơ cấu kinh tế: Thương mại - Dịch vụ chiếm 36,5%; Công nghiệp - Xây dựng chiếm 26,5%; Nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 37%.

- Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người 17,64 triệu đồng.
- Sản lượng lương thực có hạt 40 vạn tấn.
- Thu ngân sách địa phương trên địa bàn đạt 1.550 tỷ đồng.
- Tổng giá trị hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới 400 triệu USD.
- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi (6-14 tuổi) đến trường trong năm học 2015 - 2016 đạt 98,7%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,64%; Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*cân nặng/tuổi*) còn 21,1%; suy dinh dưỡng (*chiều cao/tuổi*) còn 33,2%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 16,65%. Tạo việc làm mới cho 15.900 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 45%.
- Tỷ lệ che phủ rừng 56,3%.
- Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom 93%.
- Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh 90%; Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 71,5%.
- Tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 100%; Phủ sóng truyền hình đạt 100%.

(Có Phụ lục gồm 79 chỉ tiêu kèm theo Nghị quyết)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU:

1. Tiếp tục tập trung triển khai có hiệu quả Kết luận số 71-KL/TW ngày 24/9/2013 của Ban Bí thư; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, các chủ trương phát triển tỉnh Hà Giang đến năm 2020, Thông báo số 39/TB-VPCP ngày 21/01/2013 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Hà Giang và các văn bản chỉ đạo khác của Trung ương.

2. Tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với khả năng ngân sách. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy và phát triển kinh tế biên mậu để thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tăng cường sự gắn kết giữa các ngành, lĩnh vực để phát triển, nhất là các nhóm ngành sản xuất, chế biến nông sản, du lịch và thương mại. Tập trung rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, giúp doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

3. Phát triển Nông lâm nghiệp và nông thôn:

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với phát triển du lịch và dịch vụ; đưa giống mới, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, đảm bảo an ninh lương thực, ưu tiên phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao như: Chè, cam, quýt, cây dược liệu, đại gia súc, trồng rừng sản xuất, gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu và thị trường tiêu thụ ổn định trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương. Đẩy mạnh phát triển các mô hình tổ chức sản xuất nông nghiệp, các hợp tác xã nông nghiệp, gắn với dịch vụ khuyến nông, thú y, vật tư nông nghiệp...; thực hiện đồng bộ cơ chế hỗ trợ theo hình thức đầu

tư có thu hồi, để tái đầu tư, gắn với tổ chức lại sản xuất. Tăng cường đầu tư thâm canh, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh theo tiêu chuẩn VietGAP; triển khai thực hiện có hiệu quả Dự án phát triển cây dược liệu. Phân đấu giá trị sản phẩm trên đơn vị diện tích canh tác cây hàng năm 41,2 triệu đồng/ha.

Phát triển chăn nuôi theo hướng hiệu quả, an toàn, tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao hiệu quả chăn nuôi ở nông hộ; chủ động phòng chống rét, dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; hình thành một số cơ sở chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Khai thác diện tích mặt nước có khả năng để phát triển nuôi thủy sản.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững; đẩy mạnh phát triển rừng vùng nguyên liệu tại các huyện có tiềm năng; tiếp tục triển khai trồng rừng tập trung, khoanh nuôi, bảo vệ và phát triển vốn rừng đi đôi với quản lý khai thác lâm sản; phân đấu đưa tỷ lệ che phủ rừng đạt 56,3%. Hỗ trợ các thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư vào sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản, thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ - CP của Chính phủ.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, trong đó tập trung thực hiện hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã điểm có điều kiện hoàn thành trong năm 2015 theo kế hoạch và ưu tiên phát triển nguồn nhân lực nông thôn; phân đấu đến cuối năm 2015 có từ 09 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới.

4. Công nghiệp, giao thông, xây dựng:

Tiếp tục ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bình Vàng, triển khai xây dựng quy hoạch chi tiết một số khu, cụm công nghiệp làm cơ sở cho việc thu hút, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp có tiềm năng, lợi thế như: Thủy điện, khai thác chế biến khoáng sản, chế biến nông lâm sản, dược liệu, sản xuất vật liệu xây dựng,... Đẩy nhanh tiến độ các dự án, đưa vào hoạt động Nhà máy gỗ ván ép tại khu công nghiệp Bình Vàng. Tập trung triển khai Dự án cấp điện cho các thôn, bản vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc chưa có điện lưới quốc gia tỉnh Hà Giang giai đoạn 2012 - 2020; tiếp tục triển khai giai đoạn 2 khu công nghiệp Bình Vàng. Phân đấu giá trị sản xuất công nghiệp theo giá thực tế 3.923 tỷ đồng.

Triển khai lập Đồ án quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn đến năm 2030. Đẩy nhanh tiến độ sớm thông xe kỹ thuật tuyến đường đôi Cầu Mè - Công viên nước Hà Phương, các dự án đầu tư xây dựng cơ hạ tầng ở Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy và các công trình thiết yếu khác chào mừng và phục vụ Đại hội Đảng các cấp. Triển khai Quy hoạch và từng bước đầu tư các dự án trọng điểm như: khu vực cửa khẩu Xín Mần, cửa khẩu Săm Pun. Triển khai Đề án hợp khối trụ sở các cơ quan hành chính cấp tỉnh tại thành phố Hà Giang, đề án di chuyển các trường chuyên nghiệp của tỉnh vào xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên; hạ tầng thị xã Việt Quang và trung tâm huyện lỵ huyện Bắc Quang mới (*khi được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập thị xã Việt Quang*); tuyến đường cao tốc nối Hà Giang với đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai... Tập

trung triển khai Luật Đầu tư công và các văn bản liên quan đến quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

5. Thương mại, dịch vụ, du lịch:

Tập trung phát triển và khai thác tối đa tiềm năng kinh tế biên mậu; đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy; các chợ cửa khẩu và các cửa khẩu có điều kiện; mở rộng mạng lưới bán buôn bán lẻ, phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động của các chợ đầu mối, chợ nông thôn. Thực hiện tốt chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn”, cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; tăng cường quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ nâng giá. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển một số siêu thị tại thành phố Hà Giang, huyện Bắc Quang, cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy và các huyện có điều kiện. Phấn đấu tổng mức lưu chuyển hàng hóa và dịch vụ bán lẻ đạt 6.500 tỷ đồng; giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu đạt 400 triệu USD.

Khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư phát triển hệ thống nhà hàng, khách sạn, các điểm, khu du lịch có quy mô vừa và nhỏ đi đôi với nâng cao chất lượng phục vụ du lịch. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Quy hoạch và phát triển Hà Giang thành vùng trọng điểm du lịch quốc gia, trên cơ sở bảo tồn, phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn, trùng tu khu phố cổ Đổng Văn, ruộng bậc thang Hoàng Su Phì và các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử cấp quốc gia và quy hoạch xây dựng thành phố Hà Giang trở thành trung tâm dịch vụ và điểm du lịch hấp dẫn của du khách trong nước và quốc tế.

6. Tài chính - tín dụng:

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp của Chính phủ về ổn định kinh tế vĩ mô; Đẩy mạnh huy động vốn, mở rộng tín dụng hiệu quả, phấn đấu huy động vốn tại địa phương tăng 10%, dư nợ tín dụng tăng từ 8%-10%, đi đôi với nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo nợ xấu dưới 3%. Đảm bảo cơ cấu tín dụng hợp lý, ưu tiên đầu tư vốn vay cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; doanh nghiệp nhỏ và vừa, các dự án có hiệu quả; cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tiếp tục tham gia Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp góp phần đưa vốn vào sản xuất, kinh doanh.

Thực hiện đồng bộ và quyết liệt các biện pháp quản lý thu, tăng cường chống thất thu ngay từ đầu năm. Tập trung xử lý các khoản nợ thuế, kiên quyết thu hồi các khoản nợ thuế theo đúng quy định. Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn việc chi tiêu ngân sách, bảo đảm chi đúng định mức, chế độ, thực hành tiết kiệm chi, chống thất thoát lãng phí, đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên và chủ động giải quyết được các khoản chi đột xuất.

7. Phát triển các thành phần kinh tế:

Thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chủ trương, chính sách của nhà nước về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách cho từng ngành, lĩnh vực; đơn giản hóa thủ tục hành chính, ứng dụng nhanh công nghệ thông tin, tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, thuế, hải quan. Tiếp tục đổi mới mô hình phát triển

doanh nghiệp, kinh tế hợp tác và hợp tác xã; khuyến khích các doanh nghiệp chuyển đổi sản xuất kinh doanh theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Huy động tối đa các nguồn lực trong dân cư, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các nhà đầu tư nước ngoài cho đầu tư phát triển.

8. Khoa học công nghệ và tài nguyên môi trường:

Đổi mới và hoàn thiện cơ chế lựa chọn, xây dựng, thẩm định, giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ phát triển giống cây trồng, vật nuôi, công nghệ chế biến, bảo quản nông lâm sản sau thu hoạch. Tăng cường liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo; giữa nghiên cứu và chuyển giao ứng dụng trong sản xuất và kinh doanh. Thực hiện Thỏa thuận hợp tác khoa học và công nghệ giai đoạn 2014 - 2020 với Viện Hàn lâm khoa học và công nghệ Việt Nam.

Tăng cường quản lý, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, đất đai và bảo vệ môi trường. Kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Hoàn thành xây dựng và phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 5 năm giai đoạn 2016 - 2020; công bố và tổ chức thực hiện Bảng giá đất của tỉnh giai đoạn 2015 - 2019. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; lồng ghép những nội dung ứng phó biến đổi khí hậu trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển.

9. Về phát triển giáo dục và đào tạo:

Tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để đổi mới căn bản toàn diện công tác giáo dục, đào tạo. Duy trì và phát huy kết quả phổ cập giáo dục; phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tiếp tục đầu tư, củng cố nâng cấp hệ thống trường, lớp học, đặc biệt hệ thống các trường phổ thông dân tộc bán trú; nâng cao chất lượng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng; đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập.

Triển khai có hiệu quả các chương trình đề án, kế hoạch, quy hoạch; về giáo dục - đào tạo. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục và dạy nghề, khuyến khích thành lập các trường tư thục ở những nơi có điều kiện như thành phố Hà Giang, thị trấn Vị Xuyên, thị trấn Việt Quang.

10. Về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân:

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nâng cao năng lực giám sát, phát hiện, phòng chống và khống chế dịch, bệnh. Đầu tư nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện, các phòng khám đa khoa khu vực, các trạm y tế xã; khuyến khích đầu tư các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân và thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đảm bảo 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm, uống đủ các loại vắc xin; giảm tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn 21,1%.

Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hoá gia đình, bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Triển khai có hiệu quả các biện pháp bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm.

11. Về công tác lao động, việc làm, giảm nghèo, an sinh xã hội:

Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án giải quyết việc làm cho người lao động. Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm và công tác xuất khẩu lao động. Phân đầu đào tạo nghề cho 12.500 lao động, tạo việc làm mới cho 15.900 lao động. Triển khai có hiệu quả Đề án học văn hoá gắn với đào tạo nghề tại các Trung tâm giáo dục thường xuyên.

Huy động và sử dụng tốt các nguồn lực hỗ trợ cho giảm nghèo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình khác; phân đầu tỷ lệ hộ nghèo giảm 5%, tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 16,65%. Chú trọng các chính sách bảo đảm an sinh xã hội và chính sách đối với người có công.

12. Văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình, thể thao:

Gắn kết phát triển văn hoá với phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của các dân tộc. Đẩy mạnh xây dựng xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh, gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Nâng cao chất lượng phát sóng của Đài Phát thanh và truyền hình địa phương; tăng thời lượng phát sóng chương trình nông nghiệp, nông thôn và tiếng dân tộc, trang truyền hình của các địa phương.

13. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phòng chống tham nhũng, lãng phí:

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức, cải cách thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Xây dựng chương trình, đề án, văn bản chỉ đạo của tỉnh về nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và năng lực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện nghiêm luật phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công khai minh bạch hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường kiểm tra, thanh tra chế độ công chức công vụ; đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn và tài sản của nhà nước, các chương trình, dự án... Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

14. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và đối ngoại:

Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, chú trọng kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Thực hiện tốt công tác quân sự quốc phòng địa phương. Từng bước nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang nhân dân, dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Tổ chức tốt các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ; tiếp tục thực hiện các nội dung về xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện, thành phố. Tăng cường các biện pháp trấn áp, kiềm chế các loại tội phạm. Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục, tăng cường tuần tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ... Hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 2015.


Tiếp tục triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký tại các Hội nghị của Nhóm công tác liên hợp giữa các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên - Việt Nam và tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và Ủy ban công tác liên hợp giữa các tỉnh của Việt Nam với khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây - Trung Quốc. Chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện luân phiên, chủ trì tổ chức Hội nghị của Nhóm và Ủy ban công tác liên hợp tại Hà Giang. Xây dựng Kế hoạch hợp tác trong lĩnh vực du lịch với thành phố Bách Sắc, Quảng Tây (Trung Quốc). Tích cực chủ động tham gia diễn đàn hợp tác quốc tế, các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư ngoài nước.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2014.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVI - Kỳ họp thứ 13 thông qua./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban CT đại biểu - UBTWQH;
- TTr. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIII tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa XVI;
- Các Sở, Ban, ngành, UBMTTQ và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH & HĐND; UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Vương Mí Vàng

CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015

Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-ĐNL ngày 11 tháng 12 năm 2014 của
Hội đồng nhân dân tỉnh



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
I	Chỉ tiêu chủ yếu:		
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (Giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	9.859
	- Nông lâm nghiệp - Thủy sản	"	3.361
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	2.604
	- Dịch vụ	"	3.894
2	Tổng sản phẩm trên địa bàn (Giá hiện hành)	"	14.019
	- Nông lâm nghiệp - Thủy sản	"	5.206
	- Công nghiệp - Xây dựng	"	3.705
	- Dịch vụ	"	5.108
3	Tốc độ tăng tổng sản phẩm	%	6,50
	- Nông, lâm nghiệp - Thủy sản	"	4,80
	- Công nghiệp - Xây dựng cơ bản	"	7,92
	- Dịch vụ	"	7,06
4	Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành kinh tế (Giá hiện hành)	%	100,0
	Nông, lâm nghiệp - Thủy sản	"	37,1
	Công nghiệp - Xây dựng	"	26,5
	Dịch vụ	"	36,5
5	Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người (giá hiện hành)	Tr. đồng/năm	17,64
6	Sản lượng lương thực có hạt, trong đó:	Tấn	399.997
	- Thóc	Tấn	211.177
	- Ngô	Tấn	188.820
7	Thu ngân sách trên địa bàn, trong đó:	Tỷ đồng	1.550
	- Thu nội địa	"	1.190
	- Thu xuất nhập khẩu	"	180
	- Các khoản thu quản lý qua ngân sách	"	180
8	Huy động trẻ trong độ tuổi đến trường		

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
	- Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đi nhà trẻ	%	32,0
	- Tỷ lệ huy động 3-5 tuổi đi mẫu giáo	"	98,0
	- Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi đến lớp mẫu giáo	"	99,5
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi đi học lớp 1	"	99,8
	- Tỷ lệ huy động trẻ 6 -14 tuổi đến trường	"	98,7
9	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	"	1,64
10	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (<i>cân nặng/tuổi</i>)	"	21,1
11	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi (<i>chiều cao/tuổi</i>)	"	33,2
12	Tỷ lệ lao động được đào tạo	"	45,0
13	Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân năm	"	5,0
14	Tỷ lệ hộ nghèo	"	16,65
15	Tỷ lệ che phủ rừng (<i>toàn tỉnh</i>)	%	56,3
16	Tỷ lệ phủ sóng phát thanh	%	100,0
17	Tỷ lệ phủ sóng truyền hình	"	100,0
18	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện	"	83,0
19	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	"	93,0
20	Tỷ lệ dân cư thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh	"	90,0
21	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	"	71,5
22	Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động	%	98,0
23	Số thuê bao điện thoại /100 dân	Thuê bao	70
II	Chỉ tiêu cụ thể:		
A	Nông lâm nghiệp:		
	Trồng trọt:		
24	Giá trị sản phẩm trên một ha đất trồng cây hàng năm	Tr.đồng/ha	41,2
25	Hệ số sử dụng đất nông nghiệp	Lần	2,0
26	Lúa ruộng cả năm	Ha	36.787
	- Sản lượng	Tấn	211.177
27	Ngô cả năm	Ha	54.609
	- Sản lượng	Tấn	188.820

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
28	Lạc cả năm	Ha	8.668
	- Sản lượng	Tấn	18.519
29	Đậu tương cả năm	Ha	24.200
	- Sản lượng	Tấn	33.430
30	Diện tích cỏ trồng trồng mới	Ha	3.050
31	Diện tích chè trồng mới	Ha	588
32	Diện tích cam, quýt trồng mới	Ha	1.376
33	Diện tích cao su trồng mới	Ha	100
	Chăn nuôi:		
34	Đàn trâu	Con	166.590
35	Đàn bò	"	104.100
36	Đàn lợn	"	584.560
37	Đàn dê	"	152.250
38	Đàn gia cầm	Nghìn con	4.277
39	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	2.173
	Lâm nghiệp:		
40	Trồng rừng mới tập trung, trong đó:	Ha	40.565
	- Rừng phòng hộ đặc dụng	"	400
	- Rừng sản xuất	"	40.077,5
	- Trồng rừng hộ lan	"	87,5
41	Diện tích rừng trồng được chăm sóc	"	5.225
42	Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	"	33.000
43	Diện tích rừng được giao khoán bảo vệ	"	287.472
B	Công nghiệp:		
44	Giá trị sản xuất công nghiệp (<i>Giá thực tế</i>)	Tỷ đồng	3.923
	Công nghiệp khai khoáng	"	1.500
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	"	940
	Sản xuất, phân phối điện	"	1.438
	Cung cấp nước, xử lý rác thải...	"	45
45	Chế biến Chè	Tấn	12.000

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
46	Gạch các loại	1000 viên	25.000
47	Giấy và bột giấy	Tấn	10.000
48	Khai thác và chế biến quặng các loại:		
	- Fero Man gan	Tấn	8.000
	- Tinh quặng mangan	"	17.000
	- Tinh quặng sắt	"	300.000
	- Tinh quặng chì, kẽm	"	1.000
	- Antimol kim loại	"	880
49	Điện sản xuất	Triệu kwh	1.400
50	Nước máy sản xuất	1000 m3	3.000
51	Lắp ráp xe ô tô tải nhẹ và xe con	Chiếc	400
C	Dịch vụ:		
52	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	6.500
53	Tổng giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu	Triệu USD	400
54	Giá trị kim ngạch xuất khẩu	"	250
	Trong đó: Xuất khẩu của địa phương	"	32
55	Giá trị kim ngạch nhập khẩu	"	150
	Trong đó: Nhập khẩu của địa phương	"	29
D	Xây dựng:		
56	Tỷ lệ thôn bản có đường xe cơ giới đi được	%	100,0
57	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trụ sở xây kiên cố	%	100,0
58	Tỷ lệ trạm xá xã xây kiên cố	%	100,0
59	Tỷ lệ thôn bản có nhà văn hoá	%	70,8
60	Đường vào trung tâm xã rải nhựa hoặc bê tông	%	96,9
61	Số xã có bưu điện văn hóa xã	Xã	153
62	Số chợ xã và liên xã	Chợ	179
E	Văn hóa - xã hội:		
63	Trường đạt chuẩn quốc gia trong năm, trong đó:	Trường	33
	- Mầm non	"	8
	- Tiểu học	"	5
	- Trung học cơ sở	"	12

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015
	- Trung học phổ thông	"	8
64	Tuyển mới đào tạo tại Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang	S.viên	600
	- Đào tạo chính quy hệ cao đẳng	S.viên	400
	- Đào tạo chính quy hệ trung cấp	Học sinh	200
65	Tuyển mới đào tạo trung cấp hệ chính quy tại Trường trung cấp Y tế Hà Giang	Học sinh	250
66	Tuyển mới đào tạo tại Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Hà Giang	Học sinh	600
67	Tuyển mới Đào tạo tại các trường ngoài tỉnh:	S.viên	290
	- Cử tuyển đại học	S.viên	60
	- Tuyển mới đào tạo cán bộ ngành y tế	S.viên	230
68	Tuyển mới đào tạo cao đẳng nghề	Người	250
69	Tuyển mới đào tạo trung cấp nghề	"	1.250
70	Dạy nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng	"	11.000
71	Số lượng lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	Người	15.900
	Trong đó: Xuất khẩu lao động và làm việc tại các tỉnh bạn	"	2.200
72	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm, uống đủ các loại vắc xin	%	95,0
73	Số xã được công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế trong năm	Xã	15
74	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Quốc gia về y tế	%	66,2
75	Tỷ lệ trạm y tế xã, phường có bác sỹ (bao gồm bác sỹ biên chế thuộc trạm và tăng cường, luân chuyển thường xuyên về trạm có thời hạn)	"	100,0
76	Tỷ lệ hộ được xem truyền hình	%	95,0
77	Tỷ lệ hộ có ti vi	"	68,0
78	Số hộ gia đình được công nhận đạt tiêu chí gia đình văn hóa trong năm	Hộ	90.226
	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chí văn hóa trong năm	%	55,0
79	Số làng, bản, khu phố đạt tiêu chí văn hóa trong năm	Làng, bản	724
	Tỷ lệ làng bản, khu phố đạt tiêu chí văn hóa trong năm	%	35,0